

Số: 03 /TTr-HĐQT-DVĐN

Đà Nẵng, ngày 6 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Các nội dung đề nghị Đại hội thảo luận và biểu quyết

Kính thưa: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

- Căn cứ Báo cáo của HĐQT về việc thực hiện các Chỉ tiêu SXKD, công tác quản lý điều hành năm 2022, những nhận định về tình hình kinh tế, chính trị trong nước và quốc tế gây ảnh hưởng đến thị trường hàng không, du lịch... Hội đồng quản trị Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng kính trình Đại hội cổ đông (ĐHĐCĐ) các nội dung như sau:

1. Báo cáo kết quả SXKD và Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán.

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% so với KH
Sản lượng (suất ăn)	Suất	754,974	824,386	109,2%
Tổng doanh thu	Tr. đồng	88,190	105,950	120,2%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	-7,325	1,268	tăng 8,593 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	-7,325	1,268	tăng 8,593 tỷ đồng
Vốn đầu tư của CSH	Tr. đồng	42,677	42,677	100.00%
Kế hoạch đầu tư	Tr. đồng	8,280	1,845	22,28%
Tỷ lệ cổ tức dự kiến	-			

2. Phương án phân phối kết quả SXKD năm 2022:

Đơn vị tính: đồng

TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN
1	Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	1,268,146,100
2	Thuế TNDN phải nộp	0
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1,268,146,100
	Trong đó:	
3.1	Lợi nhuận các đơn vị cung ứng suất ăn, Thương mại	-1,382,150,117
3.2	Lợi nhuận tại TTDN Huế	1,596,235,009
	Phân phối LN tại TTDN Huế:	
	a. Trích quỹ khen thưởng, PL tại TT Huế	71,800,000
	b. Chia cho các cổ đông góp vốn	625,728,176
	c. LN Công ty được chia từ TT Huế	898,706,833
3.3	Lợi nhuận tại TTDN Đà Nẵng	1,054,061,208
	Phân phối LN tại TTDN Đà Nẵng	
	a. Trích quỹ khen thưởng, PL tại TT Đà Nẵng	0
	b. Chia cho các cổ đông góp vốn	516,489,993
	c. LN Công ty được chia từ TT Đà Nẵng	537,571,215
4	Lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi chia cho các Hợp đồng HTKD tại 2 Trung tâm: (4=3.1+3.2c+3.3c) (Mã 421b-BCĐKT)	54,127,931

Ghi chú:

- Lợi nhuận tại Trung tâm Đà Nẵng năm 2022: Do ảnh hưởng của các chính sách chống dịch tại thành phố Đà Nẵng, Trung tâm Đà Nẵng phải đóng cửa không được hoạt động trong nhiều tháng nên bị thua lỗ liên tiếp trong hai năm 2020 (lỗ: 1,002 tỷ đồng), năm 2021 (lỗ: 3,158 tỷ đồng), tổng lỗ lũy kế tại Trung tâm Đà Nẵng cả hai năm 2020, 2021: 4,159 tỷ đồng. Kết quả hoạt động trong năm 2022 của Trung tâm Đà Nẵng đạt được Lợi nhuận: 1,054 tỷ đồng sẽ được dùng để bù lỗ cho các năm trước và không chia cho các bên tham gia góp vốn.

- Lợi nhuận tại Trung tâm Huế năm 2022: Do Trung tâm kinh doanh có lãi và không có các khoản lỗ lũy kế các năm trước, nên Trung tâm được trích 5% Lợi nhuận sau thuế cho các quỹ KT, PL dành cho các hoạt động chăm lo cho NLĐ của TT. Phần Lợi nhuận sau khi trích các quỹ sẽ phân chia cho các bên góp vốn, theo đó Công ty được chia Lợi nhuận: 898 triệu đồng (theo tỷ lệ vốn góp: 58,95%).

* Năm 2022, nhờ tình hình dịch bệnh Covid-19 cơ bản được kiểm soát, hoạt động SXKD của Công ty năm 2022 đã đạt được kết quả quan hơn các năm trước, Công ty đã thoát lỗ và bước đầu có lãi, tuy nhiên mức Lợi nhuận năm 2022 còn khiêm tốn, chỉ: 1,268 tỷ đồng, vẫn chưa đủ bù lỗ cho khoản lỗ của hai năm 2020, 2021 nên năm 2022 Công ty không chia cổ tức cho các cổ đông.

- Lỗ lũy kế của Công ty trong hai năm 2020 và 2021: - 27.027.065.215 đồng.

* Đối với cổ tức năm 2019: (ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đã thông qua tỷ lệ cổ tức chia cho các cổ đông 25%/VĐL số tiền là 10,67 tỷ đồng): do hoạt động SXKD của Công ty trong hai năm 2020-2021 liên tiếp thua lỗ do ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 đồng thời phần Lợi nhuận của năm 2022 chưa đủ bù trừ lỗ lũy kế, nhằm giảm bớt khó khăn về vốn và dòng tiền cho MASCO, tạm thời năm 2023 Công ty chưa chi trả cổ tức năm 2019 cho các cổ đông; Căn cứ tình hình hoạt động và kết quả SXKD năm 2023, HĐQT MASCO sẽ báo cáo với các cổ đông sau.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

Trên cơ sở thực hiện năm 2022 và những khó khăn, thuận lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh đã được dự báo trong năm 2023, Hội đồng quản trị trình Đại hội những chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023 HĐQT đề nghị	Kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua
1. Tổng vốn chủ sở hữu bình quân	43.480	43.480
Trong đó:		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu đến 31/12/2023	42.677	42.677
2. Sản lượng suất ăn (suất)	1.488.961	1.488.961
3. Doanh thu thực hiện	158.006	158.006
4. Tổng chi phí	151.391	151.391
Trong đó: Tổng quỹ lương	45.563	45.563
5. Lợi nhuận trước thuế	6.615	6.615
6. Lợi nhuận sau thuế	6.615	6.615
7. Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ		
8. Tổng phát sinh phải nộp NS	3.794	3.794

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023 HĐQT đề nghị	Kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua
9. Lao động bình quân	424	424
10. Tổng vốn đầu tư trong năm	29.450	29.450

- Trong bối cảnh kinh tế thế giới năm 2023 tiếp tục chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, xung đột địa chính trị vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh. Để chủ động trong điều hành SXKD, HĐQT kiến nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty chủ động rà soát, điều chỉnh Kế hoạch SXKD khi thị trường có những biến động bất thường, ảnh hưởng tới kết quả SXKD và tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với tình hình thực tế. Công ty sẽ thông báo cho các cổ đông kết quả điều chỉnh kế hoạch (nếu có).

4. Kế hoạch đầu tư 2023: (Chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm)

- Dự án chuyển tiếp từ năm 2022 : 1,600 tỷ đồng
- Dự án đầu tư mới trong năm 2023 : 28,800 tỷ đồng
- Tổng cộng mức đầu tư Kế hoạch 2023 : 29,450 tỷ đồng

5. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị (báo cáo đính kèm)

- Trong năm 2022, Hội đồng Quản trị đã tích cực triển khai các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

6. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát (báo cáo đính kèm)

- Báo cáo của Ban kiểm soát đã trình bày được các hoạt động mà BKS đã thực hiện trong năm 2022, cơ bản đã đánh giá đầy đủ về hoạt động SXKD của Công ty năm 2022, hoạt động quản lý điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty, công tác đầu tư và quyết toán dự án trong năm 2022 cũng như đánh giá việc tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Điều lệ Công ty của Ban quản lý, điều hành trong niên độ 2022. Bên cạnh đó báo cáo cũng tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 của Công ty.

7. Thông qua báo cáo tình hình thực hiện chi trả thù lao, tiền lương HĐQT, BKS năm 2022 và phương án trả thù lao, tiền lương HĐQT, BKS năm 2023:

- Thù lao, tiền lương của HĐQT, BKS được thực hiện đầy đủ 100% theo kế hoạch năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể:

7.1. Tình hình thực hiện chi trả thù lao và tiền lương năm 2022:

a. Thù lao: 78.780.000đ

- Chủ tịch HĐQT : 1.625.000đ/người/tháng tương ứng 19.500.000 đồng/năm.
- UV HĐQT : 910.000đ/người/tháng tương ứng 43.680.000 đồng/năm.
- UV BKS : 650.000đ/người/tháng tương ứng 15.600.000 đồng/năm.

b. Tiền lương: 93.600.000 đ

- Trưởng ban BKS : 7.800.000 đ/người/tháng tương ứng 93.600.000 đồng/năm

7.2. Kế hoạch chi trả tiền lương và thù lao năm 2023:

- Công ty xây dựng Kế hoạch thù lao, tiền lương HĐQT, BKS năm 2023 như thực hiện năm 2022: **172.380.000 đồng**, trong đó:

a. Thù lao: 78.780.000đ

- Chủ tịch HĐQT : 1.625.000đ/người/tháng tương ứng 19.500.000 đồng/năm.
- UV HĐQT : 910.000đ/người/tháng tương ứng 43.680.000 đồng/năm.
- UV BKS : 650.000đ/người/tháng tương ứng 15.600.000 đồng/năm.

b. Tiền lương: 93.600.000 đ

- Trưởng ban BKS : 7.800.000 đ/người/tháng tương ứng 93.600.000 đồng/năm

8. Thông qua chủ trương phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2023.

- Nhằm cải thiện tình trạng mất cân đối nguồn vốn, dòng tiền của Công ty, tăng cường khả năng tự tài trợ, giúp các chỉ số tài chính của Công ty được tốt hơn, tạo thuận lợi hơn cho Công ty trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng, đồng thời nâng cao khả năng cạnh tranh, tăng thêm thế mạnh về năng lực tài chính cho doanh nghiệp khi giao dịch với các đối tác. Đề nghị Đại hội thống nhất thông qua chủ trương phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty. Giao HĐQT chỉ đạo Công ty tổ chức triển khai Phương án phát hành có hiệu quả, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Trên đây là báo cáo các nội dung chỉ tiêu SXKD, phương hướng nhiệm vụ năm 2023. HĐQT trân trọng báo cáo và mong nhận được ý kiến đóng góp của các cổ đông để hoạt động SXKD năm 2023 đạt kết quả cao nhất.

Với sự đoàn kết thống nhất cao trong HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, sự sáng tạo, linh hoạt và quyết đoán trong quản trị và điều hành, được các cổ đông đồng lòng ủng hộ, nhất định HĐQT, Ban TGD điều hành sẽ vượt qua khó khăn thách thức của năm 2023, thực hiện tốt các mục tiêu đại hội đề ra.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐÀO MẠNH KIÊN

PHỤ LỤC 1. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2023

STT	Danh mục đầu tư	KH đã được HĐQT phê duyệt	KH điều chỉnh	Tăng giảm so với KH đã được phê duyệt
A	Dự án chuyển tiếp kỳ trước (I+II)	2,000	1,600	-400
I	Đầu tư trang thiết bị (1+2+3)			
II	Đầu tư xây dựng cơ bản (1+2)	2,000	1,600	-400
	Thiết bị mô phỏng lái xe ô tô (DN Đà Nẵng, Huế)	2,000	1,600	-400
1	Các dự án chuẩn bị đầu tư			
2	Các dự án thực hiện đầu tư			
B	Dự án đầu tư mới (I+II)	24,450	27,850	+4,350
I	Đầu tư trang thiết bị lẻ (1+2+3)	17,590	20,990	+3,400
1	Các dự án chuẩn bị đầu tư			
2	Các dự án thực hiện đầu tư	16,130	19,530	+2,400
2.1	Xe ô tô dạy lái tự động (ĐN 3 xe và HUE 3 xe)	3,600		- 3,600
	Xe ô tô dạy lái tự động (ĐN 5 xe và HUE 3 xe)		4,800	+ 4,800
	Xe ô tô dạy lái sàn (ĐN 3 xe và HUE 1 xe)		2,200	+2,200
2.2	Thiết bị dò kim loại (An ninh suất ăn CXR)	350	350	
2.3	Công an ninh ra vào (DAD, CXR và HUI)	180	180	
2.4	Xe vận chuyển suất ăn (3 xe)	12,000	12,000	
3	Đầu tư trang thiết bị lẻ	1,460	1,460	
3.1	Thiết bị lẻ (tủ lạnh 2 cánh DAD, tủ lạnh 3 cánh CXR, xe nâng hàng CXR, máy thái thịt CXR...)	500	500	
3.2	Lò hấp nướng đa năng 10 khay 1/1GN Bếp NonHalal DAD	280	280	
3.3	Lò hấp nướng đa năng 6 khay 1/1GN Bếp Halal DAD	220	220	
3.4	Bổ sung và thay thế điều hòa 1,5HP (15 bộ) DAD, CXR	300	300	
3.5	Lốc dàn nóng kho lạnh/ đông/ máy làm đá (4 lốc) DAD	160	160	
II	Đầu tư xây dựng cơ bản (1+2)	6,860	7,810	
1	Các dự án chuẩn bị đầu tư			
2	Các dự án thực hiện đầu tư	6,860	7,810	
2.1	Cải tạo cơ sở hạ tầng DAD (Chống thấm mặt sau, 2 bên nhà xưởng bằng tôn, Thay bể nước bằng bình Inox tầng 4, sơn lại toàn bộ tòa nhà)	860	1.460	
a	Chống thấm mặt sau và 2 bên tòa nhà	480	480	
b	Thay bể nước bằng bình Inox tầng 4	50	50	
c	Sơn ngoài trời mặt tiền nhà chế biến SA DAD	200	200	
d	Ốp gạch tường bếp bánh	80	80	
e	Lắp thanh chống va đập tường T1, T4 DAD	50	50	
2.2	Xây dựng nhà kho suất ăn DAD (thuê mặt bằng)	400	400	
2.4	Mở rộng sân tập lái trung tâm Thừa Thiên Huế	1,800	1,800	
2.5	Chống thấm sàn nhà xưởng CXR bằng lợp tôn	1,800	1,800	
2.6	Xây dựng sân tập lái tại Đà Nẵng	2,000	2,000	
	Tổng cộng (A+B)	26,450	29,450	+3,000

Số: *OH* /TTr-DVĐN

Đà Nẵng, ngày *6* tháng *4* năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ vào Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Công văn số 4512/UBCK-PTTT ngày 15 tháng 07 năm 2022 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và tình hình thực tế của Công ty.

Để tạo điều kiện cho Công ty thực hiện công bố tỷ lệ sở hữu tối đa của NĐT nước ngoài theo đúng quy định và phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, HĐQT trình ĐHĐCĐ nội dung cắt bỏ, sửa đổi các ngành nghề trên Giấy phép ĐKKD như sau:

1. Cắt bỏ các ngành nghề có đăng ký kinh doanh nhưng không kinh doanh:

STT	Mã ngành	Nội dung
1	7830	Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Cung ứng nguồn lao động trong nước. Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.
2	0321	Nuôi trồng thủy sản biển

2. Điều chỉnh các ngành nghề đã đăng ký, cụ thể sửa đổi như sau:

STT	Mã ngành	Nội dung
1	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. (Loại trừ: Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)
2	7911	Đại lý du lịch, chi tiết: Dịch vụ du lịch; hướng dẫn và đưa đón khách du lịch (Loại trừ: kinh doanh dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài)
3	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Loại trừ: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì

		<i>gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.)</i>
4	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Bán buôn thiết bị điện, thiết bị viễn thông, thiết bị hàng hải, thiết bị chuyên dụng phục vụ giao thông vận tải và môi trường đô thị. <i>(Loại trừ: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.)</i>
5	4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ hàng miễn thuế, hàng mỹ nghệ, bách hóa tổng hợp, văn phòng phẩm. <i>(Loại trừ: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.)</i>

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị: thực hiện các thủ tục liên quan đến việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Công ty và sửa đổi Điều lệ Công ty phù hợp với các nội dung điều chỉnh trên cơ sở tuân thủ Luật doanh nghiệp 2020, Luật Đầu tư 2020 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận: - Như kính gửi;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



ĐÀO MẠNH KIÊN

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
Về việc Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Điều lệ Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng (Công ty), quy chế nội bộ về quản trị công ty;
- Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Ban Kiểm soát (BKS) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023 kết quả thực hiện công tác kiểm soát, giám sát tại Công ty năm 2022 và từ thời điểm ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đến nay như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong kỳ

1. Cơ cấu thành phần Ban Kiểm soát

- Ông Đinh Hồng Sơn - Trưởng ban, tái bổ nhiệm ngày 25/06/2021
- Ông Nguyễn Dũng - Thành viên, tái bổ nhiệm ngày 25/06/2021
- Ông Lê Giang Nam - Thành viên, bổ nhiệm ngày 25/06/2021

2. Tình hình hoạt động và các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Trong năm 2022 và từ sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đến nay, BKS đã thực hiện công tác kiểm soát, giám sát theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ, hoạt động của BKS tập trung vào các nội dung sau:

- Giám sát Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty; giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HDQT Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của Nhà nước, quy định nội bộ của Công ty nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, của người lao động và của cổ đông Công ty.

- Kiểm tra tính tuân thủ, tin cậy, tính hệ thống và phù hợp trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty; giám sát việc triển khai thực hiện khuyến cáo, kiến nghị của các cơ quan kiểm tra, kiểm toán và của BKS.
- Thẩm định báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý, 6 tháng và năm 2022.
- Thẩm định báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét và báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2022 của Công ty.
- Giám sát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty.
- Rà soát và phối hợp với Công ty hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Tổng kết hoạt động kiểm soát, giám sát năm 2022; thông qua báo cáo trình ĐHĐCĐ và kế hoạch hoạt động năm 2023 của BKS.

2.2. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

- Trong thời gian từ sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đến nay, BKS tổ chức 04 cuộc họp và các chương trình làm việc tập trung, đồng thời thường xuyên trao đổi thông tin giữa các thành viên BKS để triển khai thực hiện các nội dung công việc theo chức trách nhiệm vụ và thẩm quyền của BKS.
- BKS/thành viên BKS đã tham dự và tham gia ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ trong tất cả các cuộc họp HĐQT Công ty.

3. Chế độ thù lao, tiền lương của Ban Kiểm soát

Tiền lương, thù lao năm 2022 của các thành viên BKS được thực hiện theo Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ - DVĐN ngày 24/06/2022 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, theo đó: tổng quỹ tiền lương, thù lao chi trả cho các thành viên BKS năm 2022 là 109,2 triệu đồng (mức tiền lương Trưởng BKS là 7,8 triệu đồng/tháng; thù lao thành viên BKS là 0,65 triệu đồng/người/tháng).

II. Kết quả thực hiện công tác kiểm soát, giám sát

1. Về công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp

- HĐQT Công ty đã chỉ đạo Ban giám đốc điều hành triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ-DVĐN ngày 24/06/2022 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, cụ thể: hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD được ĐHĐCĐ giao với kết quả SXKD năm 2022 có lãi (kế hoạch lỗ 7,3 tỷ đồng); rà soát, ưu tiên triển khai thực hiện các dự án cấp thiết, kịp thời đáp ứng yêu cầu hoạt động SXKD và tình hình tài chính của Công ty; chi trả tiền lương, thù lao HĐQT/BKS đúng quy định;...
- Trong năm 2022, HĐQT Công ty đã ban hành 11 Nghị quyết để chỉ đạo Công ty thực hiện các nội dung tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 (trong đó tập trung vào việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, đảm bảo thanh khoản) và các công việc khác thuộc thẩm quyền của HĐQT. Ban Giám đốc điều hành Công ty đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của HĐQT.
- Kết quả kiểm soát cho thấy, nhìn chung HĐQT và Ban giám đốc Công ty đã thực hiện các hoạt động quản lý, điều hành Công ty phù hợp với quy định Pháp luật,

Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, tuân thủ các quy định về thực hiện nghĩa vụ với NSNN, BHXH, an ninh an toàn,...

2. Thâm định BCTC, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD, đầu tư 2022

2.1. Chính sách kế toán

Trong năm 2022, Công ty không thay đổi chính sách kế toán; áp dụng nhất quán các phương pháp ước tính kế toán về khấu hao TSCĐ, phân bổ chi phí CCDC, sửa chữa TSCĐ, chi phí trước...

2.2. Công tác kiểm kê, đối chiếu xác nhận công nợ:

- Công ty thực hiện kiểm kê, đối chiếu xác nhận công nợ cuối kỳ phục vụ công tác quyết toán, lập BCTC năm 2022 kết thúc tại 31/12/2022 theo quy định; Kiểm toán độc lập AAC phối hợp tham gia hoạt động kiểm kê/xác nhận công nợ phù hợp với chuẩn mực kiểm toán và hợp đồng kiểm toán.
- Kết quả kiểm kê, xác nhận công nợ cuối kỳ và thông tin trên sổ sách, báo cáo kế toán đảm bảo cơ sở lập BCTC năm 2022 kết thúc tại ngày 31/12/2022.

2.3. Thực hiện các quy định, hướng dẫn về lập Báo cáo tài chính (BCTC)

- Công ty thực hiện đóng sổ kế toán niên độ 2022 kết thúc tại 31/12/2022, lập BCTC năm 2022 theo các quy định tại TT 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định về lập và trình bày BCTC.
- BCTC năm 2022 của Công ty được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập AAC (là đơn vị kiểm toán thuộc danh sách các đơn vị kiểm toán doanh nghiệp niêm yết 2022 của Bộ Tài chính). Kiểm toán AAC phát hành báo cáo kiểm toán ngày 23/02/2023, theo đó Kiểm toán viên đánh giá BCTC năm 2022 của Công ty xét trên khía cạnh trọng yếu đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả SXKD, lưu chuyển tiền tệ năm tài chính 2022 phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

2.4. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD

2.4.1. Số liệu kết quả SXKD:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	KH2022	TH Năm 2022	TH Năm 2021	TH 2022/ TH 2021	TH 2022/ KH 2022
1 - Sản lượng (suất ăn)	754,974	824,386	242,500	339.95%	109.19%
2 - Tổng Doanh thu và thu nhập	88,190	105,950	51,896	204.16%	120.14%
2.1. Doanh thu bán hàng và CCDV	88,190	104,880	45,086	232.62%	118.92%
<i>Tỷ trọng DT bán hàng và CCDV</i>	<i>100,00%</i>	<i>98,99%</i>	<i>86,88%</i>	<i>12,11%</i>	<i>(1,01%)</i>
2.2. Doanh thu tài chính	0	15	49	30.32%	-
2.3. Thu nhập khác	0	1,055	6,761	15.60%	-
3 - Tổng chi phí	95,516	104,682	66,734	156.86%	109.60%
3.1. Chi phí SXKD	93,468	101,975	63,101	161.60%	109.10%

Trong đó: Giá vốn hàng bán	77.504	89.565	52.917	169,26%	115,56%
<i>Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần</i>	87,88%	85,40%	117,37%	(31,97%)	(2,48%)
3.2. CP hoạt động tài chính	2,048	1,871	1,739	107.62%	91.38%
3.3. Chi phí khác	0	836	1,894	44.14%	-
4 - LNNT	(7,325)	1,268	(14,837)	(*)	(**)
5 - LNST	(7,325)	1,268	(14,837)	(*)	(**)

Ghi chú: (), (**): Tăng hiệu quả lần lượt là 8.594 và 16.105 triệu đồng)*

2.4.2. Tình hình thị trường và doanh thu:

- Hoạt động cung ứng suất ăn và các dịch vụ tiện ích khác cho các hãng hàng không: Trong năm 2022, ngoại trừ quý I.2022 vẫn chịu ảnh hưởng của dịch bệnh, từ quý 2 trở đi thị trường hàng không nội địa đã hồi phục mạnh mẽ (đặc biệt là trong mùa nghỉ lễ, cao điểm du lịch T5 đến T8/2022). Tổng sản lượng suất ăn cung ứng năm 2022 đạt 824,38 nghìn suất ăn, tăng 9,2% so với kế hoạch và tăng xấp xỉ 3,4 lần so với năm 2021. Trong đó: sản lượng phục vụ cho nhóm Vietnam Airline (VN) là 705,21 nghìn suất ăn (chiếm tỷ trọng 85,5%), tăng xấp xỉ 8% so với kế hoạch; sản lượng phục vụ các hãng khác (ngoài nhóm VN) đạt 119,2 nghìn suất ăn (chủ yếu là phục vụ VietJet Air và Bamboo Airways), tăng 18,4 % so với kế hoạch và tăng mạnh gần 3,3 lần so với năm trước. Tuy nhiên, sản lượng phục vụ chuyến bay quốc tế vẫn rất hạn chế, chỉ chiếm khoảng 6% tổng sản lượng, chủ yếu do sản lượng khai thác đường bay quốc tế của quốc tế các hãng trong nước thấp hơn kỳ vọng kế hoạch (VN chỉ đạt khoảng 50% kế hoạch bay quốc tế) và các hãng hàng không nước ngoài chưa khai thác trở lại (đặc biệt là các hãng Trung Quốc). Tổng doanh thu cung ứng suất ăn và các dịch vụ tiện ích khác cho các hãng hàng không trong năm đạt 55,98 tỷ đồng, tăng 32,4% so với kế hoạch và tăng 3,15 lần so với năm 2021. Mức thực hiện kế hoạch doanh thu cao hơn thực hiện kế hoạch sản lượng chủ yếu do từ 15/07/2022 VN thực hiện chính sách cập nhật nâng cấp thực đơn hạng thương gia nội địa; so với năm 2021, mức tăng trưởng doanh thu năm 2022 thấp hơn tăng trưởng sản lượng chủ yếu do trong giai đoạn 6 tháng đầu 2022 các hãng hàng không vẫn áp dụng phòng chống covid mức độ cao với thực đơn ăn nhẹ, đơn giá thấp.
- Hoạt động đào tạo lái xe: Sau 02 năm gặp nhiều khó khăn do liên tục phải đóng cửa để thực hiện yêu cầu giãn cách xã hội phòng chống dịch bệnh (năm 2021 TTDN tại Đà Nẵng phải đóng cửa gần 6 tháng, TTDN tại Huế đóng cửa hơn 1 tháng), sang năm 2022 lĩnh vực đào tạo lái xe đã cơ bản hoạt động ổn định trở lại; đồng thời, để bù đắp chi phí đầu vào tăng cao, Công ty đã triển khai bảng giá mới áp dụng từ T7/2022 (tại TTDN Huế) với mức học phí tăng bình quân khoảng 15%. Nhờ đó, năm 2022 tổng doanh thu của 02 cơ sở đào tạo lái xe đạt 39,81 tỷ đồng, tăng 2,8% so với kế hoạch và tăng mạnh 63,3% so với năm 2021.
- Các hoạt động TMDV khác cũng đã bắt đầu tích cực dần lên từ quý II.2022, ngoài ra trong T8,9/2022 Công ty có hợp đồng phân phối nước uống đóng chai cho nhà sản xuất (mang lại khoản doanh thu 2,7 tỷ đồng) nên doanh thu các hoạt động TMDV khác tăng mạnh. Tính chung cả năm 2022, doanh thu các hoạt động

TMDV khác đạt 11,02 tỷ đồng (trong đó, chủ yếu là doanh thu bán hàng bách hóa, đạt 9,7 tỷ đồng) tăng 79,2% so với kế hoạch và gấp 6 lần so với năm 2021.

2.4.3. Quản lý chi phí:

- Trong năm 2022, Ban điều hành Công ty vẫn tiếp tục duy trì các giải pháp quản lý, điều hành hoạt động SXKD theo chính sách ứng phó với dịch bệnh, tăng cường công tác kiểm soát và thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí hiệu quả. Tổng chi phí thực hiện trong năm 2022 là 104,68 tỷ đồng. Trong đó, chi phí hoạt động SXKD là 101,97 tỷ đồng, tăng 9,1% so với kế hoạch và tăng 61,6% so với thực hiện năm 2021.
- Các khoản mục chi phí SXKD thực hiện trong kỳ và các nhân tố ảnh hưởng chủ yếu, như sau:
 - o Chi phí nguyên, nhiên vật liệu, giá vốn hàng hóa (hàng bách hóa, vật phẩm phụ phục vụ cung ứng suất ăn,..) thực hiện năm 2022 là 35,24 tỷ đồng, tăng 35% so với kế hoạch và tăng mạnh 3,25 lần so với năm 2021, trong đó: (1) chi phí nguyên vật liệu (nguyên vật liệu, đồ uống, vật phẩm phụ phục vụ suất ăn) là 18,58 tỷ đồng, tăng 3,6 lần so với năm trước do sản lượng và giá nguyên vật liệu đầu vào tăng; (2) Chi phí nhiên liệu là 7,84 tỷ đồng, tăng 2,09 lần so với năm trước chủ yếu do quy mô hoạt động đào tạo lái xe tăng, đồng thời giá xăng dầu tăng mạnh (bình quân năm tăng trên 20% so với 2021).
 - o Quỹ tiền lương năm 2022 được xác định phù hợp với tình hình bố trí, sử dụng lao động và hoạt động SXKD trong kỳ, chi phí tiền lương thực hiện là 27,9 tỷ đồng (chiếm 27,4% chi phí SXKD), tăng 3% so với kế hoạch.
 - o Các khoản mục chi khác được Công ty điều hành, kiểm soát theo kế hoạch, phù hợp với diễn biến tình hình SXKD, cụ thể: (1) Các khoản chi khác bằng tiền thực hiện năm 2022 là 7,44 tỷ đồng, tăng 2,4% so với kế hoạch (0,18 tỷ đồng) và tăng 12,4% so với năm 2021 (0,82 tỷ đồng), trong đó: chi giao dịch, công tác phí tăng 0,92 tỷ đồng do tăng các hoạt động tiếp khách, giao dịch, công tác sau thời gian dài dịch bệnh; các khoản chi phí bồi dưỡng độc hại, khám sức khỏe CBCNV, ăn ca tăng 0,56 tỷ đồng do lao động sử dụng bình quân tăng theo yêu cầu SXKD; đồng thời, Công ty chủ động tiết giảm chi phí đồng phục 0,63 tỷ đồng; (2) Chi phí dịch vụ mua ngoài thực hiện trong kỳ là 17,02 tỷ đồng, bằng 98% kế hoạch và tăng 34% so với năm 2021 (4,34 tỷ đồng), trong đó chi phí điện nước thực hiện là 2,99 tỷ đồng, tăng 3% so với kế hoạch và tăng 75% so với năm 2021 (tăng 1,28 tỷ đồng) chủ yếu là do quy mô hoạt động chế biến suất ăn tăng, bên cạnh đó năm 2022 Công ty không còn được hưởng chính sách hỗ trợ giá tiền điện như 2021;..
 - o Chi phí KHTSCĐ là 10,31 tỷ đồng, bằng 99% kế hoạch và giảm mạnh 4,24 tỷ đồng so với năm 2021 (chủ yếu do giảm chi phí khấu hao đội Taxi thanh lý cuối năm 2021).

2.4.4. Lợi nhuận thực hiện:

Sau 02 hoạt động SXKD thua lỗ do ảnh hưởng nặng nề của bệnh covid 19, KQKD năm 2022 của Công ty đã ghi nhận có lãi 1,27 tỷ đồng (sau phân phối lợi

nhuận cho các bên góp vốn liên kết thì số lãi còn lại là 54 triệu đồng). Lợi nhuận năm 2022 có được chủ yếu là từ hoạt động đào tạo nghề lái xe, hoạt động chính là cung ứng suất ăn đồ uống và dịch vụ tiện ích cho các hãng hàng không vẫn bị lỗ do sản lượng và doanh thu thực hiện còn ở mức thấp trong khi các khoản chi phí có tính chất cố định chiếm tỷ trọng cao. Công ty cần có giải pháp nâng cao hiệu quả SXKD tại các cơ sở chế biến suất ăn có công suất hoạt động thấp so với công suất thiết kế.

3. Thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2022

- Năm 2022, Công ty đã triển khai thực hiện các dự án phù hợp với yêu cầu hoạt động SXKD. Ưu tiên triển khai và tập trung hoàn thành, kịp thời đưa vào sử dụng 03 dự án cấp thiết trực tiếp phục vụ hoạt động SXKD và đảm bảo đáp ứng quy định về điều kiện kinh doanh của cơ quan quản lý nhà nước (gồm dự án cải tạo khu cảng tin tại TTDN Huế; dự án cải tạo, sửa chữa, chống thấm xí nghiệp chế biến suất ăn Đà Nẵng và dự án đầu tư thiết bị giám sát dạy lái xe tại 02 TTDN Huế và Đà Nẵng); đồng thời, Ban điều hành Công ty cũng đã rà soát giãn tiến độ thực hiện một số dự án trên cơ sở diễn biến hoạt động kinh doanh để tiết giảm chi phí (dự án xe dạy lái, dự án nâng cấp sân tập lái TTDN Huế, ..). Tuy nhiên, trong công tác quản lý dự án còn có một số điểm hạn chế (về thủ tục triển khai dự án, ghi nhận tài sản hoàn thành). Công ty cần lưu ý, rút kinh nghiệm.
- Giá trị khối lượng công việc hoàn thành trong kỳ là 1.845 triệu đồng, đạt 22,3% KH 2022. Giá trị tài sản hoàn thành đưa vào sử dụng trong kỳ là 1,67 tỷ đồng.

4. Tình hình hình tài chính doanh nghiệp

4.1. Tình hình biến động vốn và tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	Thay đổi so với đầu kỳ		Tỷ trọng	
			Giá trị	(%)	31/12/2022	31/12/2021
Tài sản ngắn hạn	20.120,37	20.156,32	(35,94)	(0,18%)	29,68%	26,60%
<i>Trong đó: tiền và tương đương tiền</i>	<i>4.764,98</i>	<i>8.255,29</i>	<i>(3.490,31)</i>	<i>(42,28%)</i>	<i>7,03%</i>	<i>10,90%</i>
Tài sản dài hạn	47.667,29	55.605,37	(7.938,08)	(14,28%)	70,32%	73,40%
<i>Trong đó TSCĐ</i>	<i>44.376,99</i>	<i>54.605,33</i>	<i>(10.228,33)</i>	<i>(18,73%)</i>	<i>65,46%</i>	<i>72,08%</i>
Tổng tài sản	67.787,67	75.761,70	(7.974,03)	(10,53%)	100,00%	100,00%
Nợ ngắn hạn	36.442,58	41.666,43	(5.223,84)	(12,54%)	53,76%	55,00%
<i>Trong đó: Vay và nợ ngắn hạn</i>	<i>13.222,73</i>	<i>9.944,68</i>	<i>3.278,04</i>	<i>32,96%</i>	<i>19,51%</i>	<i>13,13%</i>
Nợ dài hạn	3.640,00	6.444,31	(2.804,31)	0,00%	5,37%	8,51%
Tổng nợ phải trả	40.082,58	48.110,74	(8.028,15)	(16,69%)	59,13%	63,50%
Vốn chủ sở hữu	27.705,08	27.650,95	54,12	0,20%	40,87%	36,50%
Tổng nguồn vốn	67.787,67	75.761,70	(7.974,03)	(10,53%)	100,00%	100,00%

Tổng các khoản mục vốn và tài sản cuối kỳ giảm 7,97 tỷ đồng (10,5%) so với đầu năm do các nguyên nhân chủ yếu sau: (1) giảm do bù trừ thanh toán/kết chuyển doanh thu đối với số dư các khoản ứng trước tiền mua HHDV của khách hàng là 8,2 tỷ đồng, chi quỹ KTPL (từ nguồn các năm trước chuyển sang) là 1,7 tỷ đồng; chi trả năm 2021 cho các bên góp vốn tại TTDN Huế là 1,4 tỷ đồng; (2) tăng do ghi nhận lợi nhuận trong năm là 1,27 tỷ đồng, số vay nợ nhận được trong kỳ lớn hơn số trả nợ gốc 0,37 tỷ đồng, tăng do thu hồi các khoản nợ tồn đọng đã trích dự phòng nợ phải thu là 0,28 tỷ đồng, thu hồi khoản lỗ các năm trước từ các bên góp vốn tại TTDN Đà Nẵng là 0,52 tỷ đồng;...

4.2. Đánh giá chung về tình hình tài chính doanh nghiệp:

Nhờ KQKD năm 2022 có lãi, cơ cấu tài chính của Công ty tại thời điểm cuối năm 2022 cũng được cải thiện nhẹ so với đầu năm, nhưng về cơ bản vẫn ở trạng thái rủi ro rất cao, cụ thể: số lỗ lũy kế lớn, khả năng tự tài trợ thấp; nguồn tài trợ tài sản dài hạn âm 16,3 tỷ đồng; khả năng thanh khoản vẫn ở quanh ngưỡng rủi ro cao (0,5), nợ ngắn hạn chiếm 53,76% tổng nguồn vốn (và chiếm 91% tổng nợ phải trả), cho thấy áp lực thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty trong thời gian tới vẫn ở mức cao.

III. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, BĐH và Cổ đông

- Trong kỳ 2022, Ban Kiểm soát, HĐQT, BĐH và các Cổ đông đã luôn duy trì được mối quan hệ phối hợp hoạt động tốt. Ban Kiểm soát đã thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty, đồng thời phối hợp với HĐQT và BĐH trong việc thực thi nhiệm vụ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty và của Cổ đông.
- HĐQT, Ban giám đốc điều hành và các bộ phận chức năng trong Công ty đã tạo điều kiện và phối hợp với Ban Kiểm soát trong các mặt hoạt động.

IV. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2023

Kế hoạch hoạt động của BKS trong năm 2023 được xây dựng phù hợp với kế hoạch SXKD và các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, trong đó tập trung vào các nội dung chính như sau:

- Giám sát việc tuân thủ quy định Pháp luật, quy định của Công ty, sự cân trọng HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT Công ty.
- Kiểm tra tính tuân thủ, tin cậy, tính hệ thống và hợp lý của công tác kế toán, thống kê, lập báo cáo tài chính của Công ty; Thẩm định, soát xét các báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2023.
- Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư và công tác quản lý hoạt động đầu tư.
- Giám sát việc thực hiện các quy định về phê duyệt hợp đồng giao dịch với người có liên quan; việc công bố thông tin của Công ty.
- Giám sát việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC giai đoạn 2023 - 2024 của Công ty.

- Tiếp tục thực hiện việc rà soát và phối hợp với Công ty trong công tác hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Thực hiện một số chương trình kiểm soát chuyên đề của BKS: Giám sát việc hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty; kiểm tra tài chính, đánh giá hoạt động tại một số chi nhánh; kiểm tra tính hiệu lực, hiệu quả trong việc thực hiện một số tiêu chuẩn định mức của Công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát khác theo yêu cầu của ĐHĐCĐ, của cơ quan quản lý nhà nước hoặc khi nhận thấy có rủi ro trong công tác quản lý điều hành, rủi ro hoạt động kinh doanh và rủi ro về tài chính của Công ty.

V. Kiến nghị của Ban Kiểm soát

1. Đối với Ban giám đốc điều hành

Ban Kiểm soát kiến nghị Ban giám đốc điều hành:

- Đối với công tác quản lý tài chính: tiếp tục các giải pháp tăng cường công tác quản trị dòng tiền, chủ động kế hoạch vay nợ, bổ sung vốn lưu động (đồng thời tiếp tục đàm phán giãn thời hạn thanh toán để tránh áp lực thanh khoản tập trung vào một thời điểm); đôn đốc thu hồi các khoản nợ tồn đọng.
- Đối với hoạt động SXKD: Rà soát, đánh giá lại hiệu quả hoạt động của 02 TTDN lái xe trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, điều kiện hoạt động theo quy định hiện hành và nguồn lực của Công ty để xây dựng phương án SXKD phù hợp và hiệu quả nhất; tiếp tục thực hiện kiến nghị của BKS trong kỳ trước về việc sớm có giải pháp tái cơ cấu hoạt động SXKD, phát triển các SPDV phi hàng không (như chế biến đặc sản vùng miền,..) tại các cơ sở chế biến suất ăn Phú Bài và Cam Ranh (chỉ thực hiện được 20-30% công suất thiết kế ngay cả khi chưa có dịch bệnh covid 19) để tăng hiệu quả sử dụng tài sản, hiệu quả kinh doanh.
- Đối với hoạt động đầu tư: Cần thực hiện việc cân đối vốn cho từng dự án trước khi thực hiện, chỉ triển khai các dự án thực sự cấp thiết và cân đối được nguồn tài trợ cho dự án cũng như cân đối tài chính chung của Công ty (tuyệt đối tránh việc sử dụng vốn lưu động tài trợ cho tài sản dài hạn dẫn đến làm thiếu hụt vốn lưu động, tăng nguy cơ rủi ro thanh khoản).
- Đối với công tác hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ: Rà soát bổ sung, sửa đổi quy trình quản lý hoạt động đầu tư, trong đó chú trọng các thủ tục triển khai, giám sát thực hiện đầu tư, mua sắm nhằm mang lại hiệu quả tối đa cho Công ty; thực hiện dứt điểm kiến nghị của BKS trong các kỳ trước về cập nhật, ban hành chính thức định mức tiêu hao nguyên vật liệu chế biến suất ăn (bao gồm cả chế tài xử lý các trường hợp vi phạm định mức).

2. Đối với HĐQT Công ty

Ban Kiểm soát kiến nghị HĐQT chỉ đạo Công ty các nội dung sau:

- Chỉ đạo Công ty thực hiện kịp thời các kiến nghị của BKS.

3. Đối với ĐHĐCĐ Công ty:

Ban Kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2023 xem xét thông qua:

- Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát.

- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty.
- Đối với khoản cổ tức năm 2019 (đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua với tỷ lệ chia cổ tức là 25% vốn điều lệ, số tiền là 10,67 tỷ đồng): do lợi nhuận thực hiện năm 2022 của Công ty chưa bù đắp được số lỗ lũy kế của 02 năm 2020 và 2021 nên để giảm bớt khó khăn về vốn và dòng tiền cho Công ty, BKS kính đề nghị ĐHĐCĐ chấp thuận cho Công ty tiếp tục được giữ lại khoản cổ tức này, tạm thời năm 2023 chưa chia cho các cổ đông.

Trên đây là kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và trong thời gian từ sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đến nay, Ban Kiểm soát báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2023;
- HĐQT, TK Công ty;
- Lưu VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đình Hồng Sơn

Số: 06 /PA-DVĐN

Đà Nẵng, ngày 6 tháng 4 năm 2023

PHƯƠNG ÁN

Chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Các văn bản pháp luật khác liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng ("Công ty").

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ trong năm 2023 như sau:

I. TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP:

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng (MASCO)
- Lĩnh vực hoạt động: Cung ứng suất ăn Hàng không, kinh doanh thương mại và các dịch vụ liên quan đến vận tải hàng không tại Cảng Hàng không quốc tế Đà Nẵng, Phú Bài, Cam Ranh, kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô, mô tô.
- Vốn điều lệ: 42.676.830.000 đồng, trong đó vốn đầu tư của TCTHK là 15.412.650.000 đồng, chiếm 36,11% vốn điều lệ Công ty.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2013-2019 VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH ĐẾN 31/12/2022:

1. Tình hình đầu tư và nguồn vốn đầu tư các năm 2013-2019:

Từ cuối năm 2011, khi các hãng Hàng không của Nga phát triển các mạng đường bay đi và đến từ các thành phố của Nga đến thành phố Nha Trang và ngược lại, trong bối cảnh Công ty là đơn vị duy nhất tại sân bay Cam Ranh cung cấp dịch vụ suất ăn cho các hãng Hàng không, nên với việc các hãng hàng không Nga liên tiếp mở các mạng đường bay đến Nha Trang, Công ty không đủ năng lực cung cấp cho các Hãng do nhà xưởng chế biến suất ăn tạm bợ, cũ nát... (nhà xưởng thuê các khu nhà quân nhân cũ của cảng HK Cam Ranh để làm khu chế biến suất ăn), Công ty đã đầu tư xây dựng mới nhà xưởng chế biến suất ăn, công suất 6.200 suất/ngày với tổng giá trị đầu tư: 76,26 tỷ đồng trên khu đất diện tích 10.049 m² thuê lâu dài của Nhà nước, trong đó chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của Nhà chế biến suất ăn Cam Ranh là: 36,66 tỷ đồng.

Năm 2015, Công ty tiếp tục đầu tư xây dựng mới nhà chế biến suất ăn tại sân bay Phú Bài trên khu đất diện tích: 1.500 m² với tổng giá trị đầu tư: 6,41 tỷ đồng trong đó chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng: 5,22 tỷ.

Ngoài ra, năm 2018 để nâng cao chất lượng dịch vụ cung ứng suất ăn tại sân bay Đà Nẵng, cung cấp suất ăn cho các hãng Hàng không mới mở đường bay đến sân bay Đà

Năng: Qatar Airways, Starlux Airlines, Cathay Pacific... Công ty cũng phải đầu tư nâng cấp, cải tạo nhà xưởng hiện có tại sân bay Đà Nẵng, mua sắm máy móc thiết bị, Phương tiện vận tải phù hợp với các yêu cầu khắc khe của các hãng Hàng không này.

Cụ thể tình hình đầu tư và các nguồn vốn sử dụng để đầu tư trong giai đoạn từ 2013-2019 như sau:

ĐVT: triệu đồng

NỘI DUNG	Giá trị đầu tư	Giá trị thu hồi từ thanh lý tài sản	Số VDL phát hành tăng thêm	Số vốn đã vay NH cho các khoản đầu tư	Nguồn vốn KH còn lại sau khi trả gốc vay	Chênh lệch
1	2	3	4	5	6	7 = (3) +(4) + (5) + (6) - (2)
Năm 2013	30,771	1,946		4,454	7,765	(16,606)
Năm 2014	23,262	300		6,518	11,832	(4,612)
Năm 2015	28,373	156		9,792	9,548	(8,877)
Năm 2016	24,114	2,555		6,898	14,431	(230)
Năm 2017	37,001	2,470	12,589	9,615	12,882	555
Năm 2018	26,071	1,686		12,165	8,041	(4,179)
Năm 2019	11,700	805			6,992	(3,903)
Tổng cộng	181,292	9,918	12,589	49,442	71,491	(37,852)

Với yêu cầu cấp thiết của việc đầu tư nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị, Phương tiện vận tải như số liệu ở trên, Công ty phải sử dụng tất cả các nguồn vốn có thể cho công tác đầu tư. Trong tổng các hạng mục đầu tư của Công ty từ năm 2013-2019, ngoài các khoản đầu tư mua sắm máy móc thiết bị và Phương tiện vận tải được vay vốn từ Ngân hàng với hạn mức vay: 70%/tổng giá trị đầu tư, còn lại các hạng mục đầu tư xây dựng mới, nâng cấp cơ sở hạ tầng tại các sân bay Cam Ranh, Phú Bài, Đà Nẵng không vay được vốn Ngân hàng do vướng mắc những thủ tục của điều 35 Nghị định 102/2015/NĐ-CP về quản lý khai thác cảng HK sân bay ban hành ngày 20/10/2015.

Với việc đầu tư cơ sở hạ tầng không vay được vốn từ Ngân hàng, phần vốn Chủ sở hữu phát hành tăng thêm năm 2017: 12,589 tỷ cũng như các nguồn vốn thu hồi từ thanh lý tài sản, nguồn vốn khấu hao kết dư... không đủ bù đắp vốn cho các khoản đầu tư, tổng nguồn vốn thiếu hụt do đầu tư (giai đoạn 2013-2019): 37,85 tỷ đồng dẫn đến tình trạng Công ty bị mất cân đối vốn dài hạn, buộc phải sử dụng các nguồn vốn ngắn hạn: chiếm dụng của các Nhà cung cấp, Lợi nhuận chưa phân phối của các cổ đông, nguồn tiền người mua trả tiền trước, khoản tạm ứng của VNA... để bù đắp phần nào thiếu hụt vốn, nên Công ty luôn trong tình trạng bị mất cân đối vốn, nguồn VLĐ luôn bị thiếu hụt.

2. Tình hình tài chính Công ty giai đoạn 2020-2022:

Hoạt động SXKD của Công ty trong các giai đoạn trước khi đại dịch xảy ra luôn có hiệu quả cao, tỷ suất Lợi nhuận các năm đều trên 30%, nhờ vậy Công ty luôn có nguồn Lợi nhuận chưa phân phối gởi đầu, nguồn tiền đặt cọc của các hãng hàng không nước ngoài (trung dương 5-7 tỷ đồng). Đồng thời nhờ kinh doanh có hiệu quả nên dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh và kết dư từ nguồn khấu hao luôn dương đã phần nào bù đắp thiếu hụt vốn dài hạn, nên mặc dầu Công ty mất cân đối vốn dài hạn trong giai đoạn từ năm 2015-2019 nhưng vẫn có thể sử dụng các nguồn vốn ngắn hạn này để tạm bù đắp, không ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của Công ty trong giai đoạn này.

Tuy nhiên đến năm 2020 và kéo dài đến hết năm 2022, do ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch Covid-19, tình hình kinh doanh của Công ty bị thua lỗ lớn, tổng Lỗ lũy kế của Công ty đến 31/12/2022: 15,77 tỷ đồng. Với việc mất cân đối vốn từ những năm trước năm 2019 chưa bù đắp đủ, đến giai đoạn 2020-2022 hoạt động kinh doanh của Công ty bị thua lỗ, các nguồn vốn ngắn hạn tạm sử dụng nói trên không còn, càng khiến cho tình hình tài chính của Công ty thêm khó khăn, khả năng thanh toán của Công ty rất thấp và luôn đối diện với nguy cơ mất khả năng thanh toán các khoản nợ vay, phải trả các nhà cung cấp..., cụ thể:

Các chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán và dòng tiền của Công ty

CHỈ TIÊU	ĐVT	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
1. Chỉ tiêu và khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0.50	0,48	0.55
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0.39	0,39	0.42
- Khả năng hoàn trả nợ vay	lần	-0.18	-0.29	0.06
- Khả năng thanh toán lãi vay	lần	-5.53	-13.28	2.14
2. Các chỉ tiêu đánh giá về dòng tiền				
- Lưu chuyển tiền từ HĐKD/Doanh thu	lần	0.05	-0.11	-0.04
- Lưu chuyển tiền từ HĐKD/VCSH	lần	0.11	-0.17	-0.14

Việc sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để tài trợ cho đầu tư TSCĐ (trong giai đoạn 2013-2018) và tình hình SXKD khó khăn 3 năm gần đây đã dẫn đến tình trạng Vốn lưu động ròng của Công ty hoàn toàn mất cân đối (tại ngày 31/12/2020, VLĐ của Cty âm: 1,45 tỷ đồng, tại ngày 31/12/2021: VLĐ âm: 15,83 tỷ đồng, tại ngày 31/12/2022: VLĐ âm: 15,77 tỷ đồng).

Hệ số thanh toán nhanh cũng ở mức rất thấp ($0.39-0.42 < 0,5$): khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đang ở trạng thái rủi ro rất cao, Công ty luôn ở trong tình trạng khó khăn, không có dòng tiền để thanh toán cho các khoản nợ ngắn hạn, buộc phải chiếm dụng của các nhà cung cấp, dẫn đến tình trạng các Nhà cung cấp có uy tín, chất lượng và giá tốt hơn các nhà cung cấp khác không tin tưởng và có những ràng buộc, nâng giá để đảm bảo khả năng thu hồi tiền khi cung cấp hàng hóa, nguyên vật liệu cho Công ty.

Do những khó khăn về vốn cộng với việc kinh doanh thua lỗ nên các chỉ tiêu đánh giá về khả năng hoàn trả nợ vay cũng như khả năng thanh toán lãi vay của Công ty ngày càng giảm trong các năm 2020-2022, các chỉ số đều < 1 , Công ty đang trong tình trạng sử dụng các khoản chiếm dụng ngắn hạn tạm thời để thanh toán cho các khoản gốc vay cũng như lãi vay đến hạn chứ không phải từ nguồn Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm. Đây là một trong những yếu tố gây bất lợi cho Công ty khi tiếp cận các tổ chức tín dụng để mở rộng hạn mức vay vốn lưu động cũng như vốn dài hạn, phục vụ cho SXKD trong giai đoạn phục hồi và tăng trưởng sau năm 2022.

Cũng chính vì kinh doanh thua lỗ, nên dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong các năm 2021,2022 âm dẫn đến tình trạng khả năng thu tiền mặt từ hoạt động kinh doanh cũng như khả năng tạo tiền từ Vốn CSH âm, Công ty buộc phải sử dụng các dòng tiền khác để bù đắp:

- Dòng tiền từ hoạt động đầu tư: bán bớt tài sản để có dòng tiền như năm 2021 Công ty đã buộc phải bán toàn bộ tài sản của lĩnh vực kinh doanh Taxi (80 xe 5 chỗ và 7

chỗ) để thu hồi khoản tiền hơn 9 tỷ đồng bù đắp cho thiếu hụt dòng tiền từ hoạt động kinh doanh,

- Dòng tiền từ hoạt động tài chính: vay ngân hàng và các cá nhân (2021,2022), sử dụng hết hạn mức tín dụng mà Ngân hàng cấp cho Công ty (15 tỷ đồng) để bù đắp thiếu hụt dòng tiền từ HĐKD.

- Ngoài ra Công ty còn sử dụng các nguồn vốn chiếm dụng của cổ đông (LNST chưa phân phối), của các khách hàng (ứng trước của VNA, tiền thu trước học phí của các học viên)... để có thể duy trì hoạt động XKD liên tục, không bị gián đoạn, tuy nhiên các dòng tiền này không phải là nguồn ổn định lâu dài để có thể sử dụng.

Các chỉ tiêu đánh giá cơ cấu vốn và đòn bẩy tài chính:

CHỈ TIÊU	ĐVT	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
1. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số: Nợ/Tổng TS	lần	0.56	0.64	0.59
- Hệ số: Nợ/ Vốn CSH	lần	1.27	1.74	1.45
2. Hệ số đòn bẩy tài chính				
- Hệ số tự tài trợ	%	44%	36%	41%
- Hệ số đòn bẩy tài chính	%	222%	246%	259%
- Hệ số tài sản cố định	%	124%	72%	212%
- Hệ số thích ứng dài hạn	%	144%	163%	152%

Hệ số nợ/Tổng tài sản của Công ty hiện vẫn thấp (<1). Nguyên nhân chủ yếu do Công ty bị hạn chế về khả năng tiếp cận các nguồn vốn vay Ngân hàng đáp ứng cho các khoản đầu tư cơ sở hạ tầng dài hạn, trong đó khoản đầu tư cơ sở hạ tầng không vay được vốn Ngân hàng: 50 tỷ đồng. Trong khi việc tài trợ cho các khoản đầu tư dài hạn từ nguồn VCSH của Công ty bị hạn chế vì kinh doanh thua lỗ, việc phát hành tăng VCSH với tỷ lệ quá thấp so với nhu cầu đầu tư dài hạn trong những năm Công ty hoạt động kinh doanh có hiệu quả (2013-2019) nên làm cho tỷ lệ nợ/Vốn CSH của Công ty ngày càng tăng (do nợ tăng - vốn CSH giảm vì lỗ), đe dọa đến khả năng an toàn tài chính của Công ty nếu HĐKD tiếp tục thua lỗ trong các năm tới.

Hiện nay, hệ số tự tài trợ của Công ty đang rất thấp (36-41%) cho thấy khả năng tự đảm bảo về mặt tài chính, và khả năng bù đắp tổn thất bằng Vốn CSH của Công ty không được đảm bảo, mặc dầu Công ty đã sử dụng tốt đòn bẩy tài chính (hệ số này > 250%). Hệ số tài sản cố định tăng cao trong năm 2022, thể hiện Công ty dùng tất cả những tài sản có thể sử dụng để thế chấp vay Ngân hàng. Hệ số thích ứng dài hạn giảm dần qua các năm phản ánh khả năng chi trả cho tài sản dài hạn của Công ty dựa trên các nguồn vốn lâu dài (ở đây là vốn chủ sở hữu và nợ dài hạn) đang giảm dần.

III. Kế hoạch SXKD và tình hình tài chính 3-5 năm sau khi phát hành tăng vốn:

1. Kế hoạch SXKD các năm 2023-2024-2025 sau khi tăng vốn:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2022	2023	2024	2025
1	Sản lượng	Suất	824,386	1,428,388	1,746,361	1,929,250
2	Doanh thu	tr. đồng	106,817	158,006	181,410	221,865
3	Chi phí	tr. đồng	104,682	151,425	170,220	207,257
4	LNTT	tr. đồng	1,268	6,581	11,189	14,608
5	Vốn điều lệ	tr. đồng	42,677	67,677	67,677	67,677
6	KH đầu tư	tr. đồng	3,845	24,450	5,000	12,500

7	Lao động	Người	360	424	444	460
---	----------	-------	-----	-----	-----	-----

Căn cứ các chỉ tiêu sản lượng theo định hướng của VNA và dự báo đối với các Hãng Hàng không khác, kế hoạch SXKD năm 2023 Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng Doanh thu năm 2023: 45,83% và LN tăng: 419% so với năm 2022.

- Về kế hoạch đầu tư: Trong năm 2023, MASCO sẽ đầu tư xây các sân tập lái, các xe tập lái tại 2 Trung tâm dạy nghề lái xe ô tô, mô tô- là lĩnh vực hiện mang lại nguồn lợi nhuận cao cho Công ty, đầu tư nâng cấp nhà xưởng do tài sản bị xuống cấp, trang bị lại các máy móc thiết bị đã bị hư hỏng để phục vụ dây chuyền chế biến suất ăn tại sân bay Đà Nẵng, Cam Ranh... dự kiến giá trị giải ngân năm 2023: 24,450 tỷ đồng.

- Với tổng giá trị đầu tư năm 2023 như trên, trong khi nguồn vốn khấu hao năm 2023 còn lại (sau khi trả gốc các khoản vay 2023) chỉ: 7,35 tỷ, việc vay vốn dài hạn Ngân hàng bị hạn chế, Công ty không đủ nguồn để tài trợ cho các Kế hoạch đầu tư năm 2023, nên sẽ ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ cung cấp cho các hãng Hàng không cũng như khó khăn cho Công ty trong việc thu hút các học viên đào tạo tại 02 Trung Tâm dạy nghề, nguy cơ Công ty bị mất Giấy phép đào tạo lái xe nếu không có sân tập (tại Đà Nẵng)...

- Dự kiến KH SXKD của Công ty 3 năm sau khi phát hành tăng vốn, các nguồn thu cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh tăng cao. Ngoài yếu tố thị trường hồi phục sau dịch, nhờ có nguồn vốn bổ sung, Công ty có thêm nguồn lực để có thể thực hiện các mục tiêu nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ, qua đó thu hút thêm các khách hàng là các hãng Hàng không mới cũng như tăng tính cạnh tranh với các đối thủ, mở rộng thị trường, nâng cao được Doanh thu và từ đó nâng dần Lợi nhuận cho Công ty và cũng là nâng cao lợi ích cho các cổ đông.

Doanh thu của Công ty các năm sau khi tăng vốn tăng trưởng cao, ổn định với mức từ tăng 15-25%, nhờ có nguồn vốn bổ sung, chi phí tài chính của Công ty sẽ giảm, các chi phí sản xuất như: CP sửa chữa, chi phí điện nước... cũng sẽ giảm do được đầu tư mới MMTB, các phương tiện mới thay thế cho các thiết bị cũ, hư hỏng phải sửa chữa nhiều, hao tổn nhiên liệu..., mức Lợi nhuận nhờ đó cũng sẽ tăng trưởng theo: 30-70% so với năm 2023, tình hình tài chính vững mạnh sẽ tạo đà cho sự phát triển của Công ty cho những năm tiếp theo.

2. Dự kiến tình hình tài chính các năm 2023-2025 sau khi Công ty tăng vốn:

CHỈ TIÊU	ĐVT	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
1. Chỉ tiêu và khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	lần	1.399	1.659	1.539
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng TK)/Nợ ngắn hạn)	lần	1.181	1.372	1.280
2. Các chỉ tiêu đánh giá về dòng tiền				
- Lưu chuyển tiền từ HĐKD/Doanh thu	lần	0.085	0.048	0.013
- Lưu chuyển tiền từ HĐKD/VCSH	lần	0.234	0.134	0.042
3. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số: Nợ/Tổng TS	lần	0.371	0.334	0.345

- Hệ số: Nợ/ Vốn CSH	lần	0.589	0.502	0.526
4. Hệ số đòn bẩy tài chính				
- Hệ số tự tài trợ (VCSH/Tổng nguồn vốn)	%	63%	67%	68%
- Hệ số đòn bẩy tài chính	%	118%	89%	84%

- Khác với tình hình tài chính năm 2022, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đã thay đổi rõ rệt sau khi được tăng vốn, các hệ số thanh toán nhanh cũng như ngắn hạn đã >1, khả năng thanh toán của Công ty đã thoát khỏi trạng thái rủi ro, Công ty đã có nguồn VLĐ để có thể thanh toán đúng hạn cho các Nhà cung cấp, nâng cao khả năng thanh toán cũng như uy tín của Công ty, Công ty có thể chủ động hơn trong việc đàm phán Hợp đồng với các Nhà cung cấp, không bị ràng buộc các điều khoản không có lợi cho Công ty (đặt cọc trước, hoặc chuyển tiền trước, giá mua tốt hơn...).

- Nhờ được bổ sung vốn, cộng với tình hình kinh doanh đã có lãi, nên dòng tiền của Công ty đã >0, khả năng tạo tiền từ nguồn VCSH đã được cải thiện rất nhiều, Công ty không phải xoay sở tìm kiếm các dòng tiền không ổn định để bù đắp thiếu hụt dòng tiền như trước đây cũng như không phải bán bớt tài sản để có dòng tiền phục vụ cho hoạt động SXKD không bị gián đoạn.

- Với khả năng thanh toán tăng cao, việc tiếp cận các dòng vốn tín dụng để phục vụ cho nhu cầu đầu tư của Công ty sẽ được dễ dàng hơn cũng như lãi suất vay sẽ ở mức phù hợp, giảm được chi phí lãi vay, giúp tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Với dòng vốn được bổ sung, cơ cấu vốn cũng đã thay đổi đáng kể, tỷ lệ nợ/Vốn CSH đã giảm đáng kể, thể hiện khả năng tài trợ vốn cho các hoạt động SXKD từ nguồn VCSH của Công ty cao, khả năng an toàn tài chính của Công ty được đảm bảo chắc chắn hơn, nhờ vậy các chỉ số về hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty cũng đã giảm đáng kể (từ 259%/2022 giảm xuống 118%/2023, 89%/2024, 84%/2025), Công ty bớt phụ thuộc vào dòng vốn tín dụng vốn đang gặp khó khăn do các Ngân hàng đang siết chặt tín dụng.

IV. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ.

- Do vướng mắc của thủ tục vay vốn đầu tư cơ sở hạ tầng trong những năm 2013-2019 như đã báo cáo ở trên (mục II.1) và những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 đến kết quả kinh doanh của Công ty trong những năm 2020-2022, tình hình tài chính của Công ty rất khó khăn, vốn lưu động liên tục bị âm trong những năm 2020,2021,2022 (mục II.2), khả năng thanh toán kém, ảnh hưởng nhiều đến uy tín cũng như đe dọa tính hoạt động liên tục của Công ty. Việc Công ty phải thường xuyên và sử dụng hết hạn mức vay VLĐ ngân hàng cấp (15 tỷ đồng) để đảm bảo vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh được liên tục, không bị gián đoạn dẫn đến áp lực hoàn trả gốc vay VLĐ (thời hạn vay chỉ 3 tháng-6 tháng) làm cho tình hình tài chính luôn căng thẳng, trong bối cảnh tình hình lãi suất tăng cao, ngân hàng siết chặt tín dụng, việc vay vốn ngày càng khó khăn.

- Trước các nội dung trên đặt ra tính cấp thiết Công ty cần phải tăng quy mô vốn điều lệ. Việc tăng vốn điều lệ sẽ cải thiện được tình trạng mất cân đối nguồn vốn, dòng tiền của Công ty, tăng cường khả năng tự tài trợ, giải quyết tình trạng VLĐ âm, giúp các chỉ số tài chính của Công ty được tốt hơn, tạo thuận lợi hơn cho Công ty trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng, đồng thời nâng cao khả năng cạnh tranh, tăng thêm thế mạnh về năng lực tài chính cho doanh nghiệp khi giao dịch với các đối tác.

Sau khi phát hành tăng VCSH thêm 25 tỷ, tổng VCSH của Công ty sẽ tăng lên: 67,677 tỷ, việc tăng vốn không chỉ giải tỏa áp lực mất cân đối vốn, tăng khả năng thanh khoản của

Công ty mà còn giảm chi phí Tài chính, chi phí sản xuất..cho Công ty trong những năm tiếp theo, từ đó nâng được Lợi nhuận và dự kiến với nguồn vốn có được, Công ty sẽ nâng cao chất lượng dịch vụ, uy tín, có thêm nguồn lực để thu hút thêm nhiều khách hàng góp phần tăng Doanh thu và Lợi nhuận hàng năm cho Công ty và gia tăng Lợi ích cho các cổ đông.

V. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ.

1. Số lượng cổ phiếu chào bán và nguyên tắc xác định giá:

- Căn cứ khoản 2 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, do MASCO hiện là Công ty đại chúng, niêm yết giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), Công ty bị lỗ 2 năm liên tiếp nên không đủ điều kiện để phát hành cổ phiếu ra công chúng (chào bán cho cổ đông hiện hữu).

- Căn cứ khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Hội đồng quản trị công ty xây dựng phương án phát hành riêng lẻ cổ phiếu để tăng vốn điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

1. Tổ chức phát hành : Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng
2. Tên cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng
3. Mã chứng khoán : MAS
4. Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
5. Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
6. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 4.267.683 (Bốn triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn, sáu trăm tám mươi ba) cổ phần
7. Vốn điều lệ thực góp : 42.676.830.000 (Bốn mươi hai tỷ, sáu trăm bảy mươi sáu triệu, tám trăm ba mươi nghìn) đồng
8. Số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến : 2.500.000 cổ phiếu
9. Tổng giá trị chào bán dự kiến theo mệnh giá : 25.000.000.000 đồng
10. Hình thức chào bán : Chào bán cổ phiếu riêng lẻ
11. Nguyên tắc xác định giá chào bán :

- Nguyên tắc 1: Giá trị sổ sách:
Công thức tính như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Tổng tài sản} - \text{Tài sản vô hình} - \text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành}}$$

Giá trị sổ sách của cổ phần MAS tại ngày 31/12/2019, 31/12/2020, 31/12/2021, 31/12/2022

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Tổng tài sản	Đồng	125.181.498.426	95.577.898.663	75.761.703.121	67.787.671.479

Tài sản vô hình	Đồng	574.927.109	547.693.781	520.460.453	563.810.461
Nợ phải trả	Đồng	67.934.408.482	53.543.887.313	48.110.743.643	40.028.584.070
Số lượng cổ phần	Cổ phần	4.267.683	4.267.683	4.267.683	4.267.683
Giá trị sổ sách / 1 cổ phần	Đồng	13.279	9.721	6.357	6.372

(Nguồn: BCTC kiểm toán MAS năm 2020, 2021 và BCTC kiểm toán năm 2022)

- Nguyên tắc 2: Giá thị trường

Giá cổ phiếu theo phương pháp bình quân giá đóng cửa của ít nhất hai mươi (20) phiên giao dịch gần nhất trên sàn giao dịch chứng khoán HNX.

STT	Ngày giao dịch	Giá đóng cửa (đồng/cổ phiếu)
1	30/12/2022	38.000
2	29/12/2022	38.000
3	28/12/2022	38.000
4	27/12/2022	38.000
5	26/12/2022	38.000
6	23/12/2022	38.000
7	22/12/2022	38.000
8	21/12/2022	38.000
9	20/12/2022	38.500
10	19/12/2022	38.500
11	16/12/2022	38.500
12	15/12/2022	35.500
13	14/12/2022	35.500
14	13/12/2022	35.500
15	12/12/2022	35.500
16	09/12/2022	35.500
17	08/12/2022	35.500
18	07/12/2022	35.500
19	06/12/2022	35.500
20	05/12/2022	32.300
Bình quân giá đóng cửa		36.790

Giá đóng cửa bình quân 20 phiên của cổ phiếu Công ty là 36.790 đồng, tuy nhiên thanh khoản giao dịch ở mức thấp (dưới 500 cổ phiếu/ngày), rời rạc, giao dịch ngắt quãng, nhiều ngày không có giao dịch.

Bình quân 2 nguyên tắc như sau:

STT	Nguyên tắc tính giá	Giá cổ phiếu MAS tại 31/12/2022 (VND/CP)
1	Nguyên tắc giá trị sổ sách	6.372
2	Nguyên tắc giá thị trường	36.790
Bình quân hai nguyên tắc		21.581

Nhìn chung, năm 2019, hoạt động kinh doanh của Công ty chưa bị ảnh hưởng

bởi dịch bệnh. Giá trị sổ sách của Công ty là 13.279 đồng/cổ phiếu. Từ năm 2020 đến nay, dịch bệnh Covid 19 ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế nói chung và đến Công ty nói riêng, gần 03 năm liền tiếp đã làm giảm vốn chủ sở hữu, làm cho giá trị sổ sách của Công ty còn ở mức thấp (6.372 đồng/cổ phiếu vào thời điểm 31/12/2022). Đến thời điểm 31/12/2022, Công ty giảm vốn chủ sở hữu: 15.774.950.704 đồng). Bên cạnh đó, mặc dù Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua việc chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt là 25% nhưng công ty tạm thời chưa chia lợi nhuận 2019 nhằm giảm bớt khó khăn về vốn và dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid 19 (năm 2020, 2021, và năm 2022). Nếu không có khoản cổ tức giữ lại này, vốn chủ sở hữu của công ty dự kiến giảm đến 27 tỷ đồng. Tuy nhiên, Công ty tin tưởng vào sự hồi phục của nền kinh tế sau khi dịch bệnh covid 19 đã được kiểm soát.

Hiện nay, Công ty đang chiếm thị phần lớn nhất tại khu vực miền Trung về mảng cung cấp suất ăn cho các hãng bay. Với sự hồi phục của nền kinh tế nói chung và của thị trường vận tải hàng không nói riêng, HĐQT Công ty trình ĐHĐCĐ thông qua mức giá chào bán cổ phiếu trong đợt chào bán riêng lẻ cho cổ đông chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Đây là những cổ đông, những nhà đầu tư có thể giúp công ty cân đối nguồn vốn hiện tại, hỗ trợ Công ty có dòng tiền để duy trì các hoạt động kinh doanh hiện nay, có khả năng tham gia, tham vấn công tác quản trị điều hành doanh nghiệp, phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn phục hồi sau dịch.

Căn cứ vào Điều 126 của Luật doanh nghiệp, căn cứ vào Điều 27 – Điều lệ Công ty, sau khi nghiên cứu, cân nhắc theo các nguyên tắc xác định giá: giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần, giá giao dịch và phản ánh đúng tính hạn chế thanh khoản của cổ phiếu MAS trên thị trường cũng như tăng tính hấp dẫn và khả năng thành công của đợt chào bán, HĐQT Công ty đề xuất chiết khấu giá trị cổ phiếu MAS được tính ở trên với tỷ lệ 53,66%. Dự kiến, mức giá chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho các đối tượng trên để Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua được làm tròn là 10.000 đồng/cổ phiếu. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán không được tham gia biểu quyết.

12. Giá chào bán : 10.000 đồng/cổ phiếu
13. Tổng số tiền dự kiến huy động từ đợt chào bán : 25.000.000.000 đồng
14. Mục đích chào bán : Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để bổ sung vốn lưu động: thanh toán chi phí nguyên vật liệu, nhà cung cấp hàng hóa, trả lương trong Quý và trả nợ vay cho các ngân hàng.
15. Đối tượng phát hành : Nhà đầu tư chiến lược và/hoặc nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, đảm bảo số lượng nhà đầu tư theo quy định hiện hành.
Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán không được tham gia biểu quyết.
16. Số lượng nhà đầu tư : 01 nhà đầu tư chiến lược là Tổng Công ty

10/1
4.4.4
1/10

Hàng không Việt Nam - CTCP và một số nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp khác.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua cổ phần đợt này và triển khai tách phiếu biểu quyết theo quy định pháp luật (nếu có quyền lợi liên quan).

17. Danh sách nhà đầu tư và tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư : ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp

đảm bảo đáp ứng các tiêu chí sau:

- Có thể hỗ trợ Công ty trong các hoạt động kinh doanh.

- Có khả năng tham gia, tham vấn công tác quản trị điều hành doanh nghiệp, phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty.

18. Số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư:

- Theo phương án tăng vốn điều lệ trên đây, để không giảm tỷ lệ sở hữu của TCTHKVN với CP của MASCO hiện nay: 36,11% VDL, TCTHK sẽ đầu tư mua thêm: 36,11% số CP tăng thêm trong đợt phát hành tăng vốn năm 2023. Như vậy, dự kiến cổ đông chiến lược là Tổng công ty hàng không Việt Nam – CTCP: Số lượng dự kiến: 905.000 cổ phiếu.

- Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp dự kiến: 1.595.000 cổ phiếu. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua đối tượng được chào bán là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư.

Đối với phần cổ phiếu không chào bán hết cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo danh sách HĐQT thông qua, HĐQT ưu tiên chào bán tiếp cho cổ đông chiến lược là Tổng công ty hàng không Việt Nam – CTCP (nếu Tổng công ty có nhu cầu), hoặc ĐHĐCĐ ủy

- quyền cho HĐQT tiếp tục tìm kiếm NĐT chứng khoán chuyên nghiệp khác trong thời gian quy định của đợt phát hành riêng lẻ, hoặc kết thúc việc phát hành theo nhu cầu thực tế.
19. Thời gian dự kiến chào bán : Dự kiến trong Quý 1,2/2023, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước chấp thuận.
20. Hạn chế chuyển nhượng : Việc chuyển nhượng cổ phiếu chào bán riêng lẻ bị hạn chế tối thiểu là 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và tối thiểu 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.
21. Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
22. Đăng ký chứng khoán bổ sung và niêm yết bổ sung Toàn bộ số cổ phiếu chào bán riêng lẻ sẽ được Đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

VII. CƠ CẤU VỐN, CỔ ĐÔNG TRƯỚC VÀ SAU KHI PHÁT HÀNH TĂNG VỐN:

1. Cơ cấu vốn trước khi phát hành tăng vốn:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Cổ phiếu sở hữu	Giá trị cổ phần sở hữu theo mệnh giá (1.000 VNĐ)	Tỷ lệ trên vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông trong nước		3.595.695	35.956.950.000	
	Cá nhân	371	967.649	9.676.490.000	22,67%
	Tổ chức	16	2.628.046	26.280.460.000	61,58%
	<i>Trong đó: Vietnam Airlines</i>		<i>1.541.265</i>	<i>15.412.650.000</i>	<i>36,11%</i>
2	Cổ đông nước ngoài		671.988	6.719.880.000	15,74%
	Cá nhân	67	440.430	4.404.300.000	10,32%
	Tổ chức	13	231.558	2.315.580.000	5,42%
	Tổng cộng	467	4.267.683	42.676.830.000	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 24/05/2022)

2. Danh sách và tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn (trên 5%) trước đợt phát hành:

TT	Tên cổ đông	Số GCNĐKKD/CMN D/CCCD/Hộ chiếu	Cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ trên vốn điều lệ (%)
1	TCT hàng không Việt Nam-CTCP	0100107518	1.541.265	36,11%
2	Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO1	0400447064	263.500	6,17%
3	JOSEPH ALVIN CHAN TAN	IB0767	276.400	6,47%

3. Cơ cấu vốn sau khi phát hành tăng vốn: Giả định số lượng cổ phiếu phát hành tăng thêm 2.500.000 CP chỉ có các NĐT cá nhân trong nước đăng ký mua.

3.1- Trường hợp 1: VNA mua đúng tỷ lệ CP đang sở hữu (36,11%), các NĐTCKCN cũng mua hết số CP phát hành theo tỷ lệ (63,89%):

Cổ đông	Số lượng phiếu tăng thêm từ đợt phát hành	Số lượng CP sở hữu sau phát hành	Giá trị cổ phiếu sở hữu theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
b.1- Cổ đông trong nước	2.500.000	6.095.695	60.956.950.000	90,07%
Cá nhân	1.597.250	2.564.899	25.648.990.000	37,90%
Tổ chức	902.750	3.530.796	35.307.960.000	52,17%
<i>Trong đó VNA</i>	<i>902.750</i>	<i>2.444.015</i>	<i>24.440.150.000</i>	<i>36,11%</i>
b.2 - Cổ đông nước ngoài	-	671.988	6.719.880.000	9,93%
Cá nhân		440.430	4.404.300.000	6,51%
Tổ chức		231.558	2.315.580.000	3,42%
Cộng	2.500.000	6.767.683	67.676.830.000	100%

3.2- Trường hợp 2: VNA mua theo tỷ lệ sở hữu hiện có: 36,11%, các cổ đông là NĐTCKCN cá nhân trong nước không mua, số CP không phát hành hết được VNA mua thêm (VNA mua hết 100% số CP phát hành)

Cổ đông	Số lượng cổ phiếu tăng thêm từ đợt phát hành	Số lượng CP sở hữu sau phát hành	Giá trị cổ phiếu sở hữu theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
b.1- Cổ đông trong nước	2,500,000	6,095,695	60,956,950,000	90.07%
Cá nhân	-	967,649	9,676,490,000	14.30%
Tổ chức:	2,500,000	5,128,046	51,280,460,000	75.77%
<i>Trong đó: - VNA mua theo tỷ lệ sở hữu hiện có</i>	<i>902,750</i>	<i>2,444,015</i>	<i>24,440,150,000</i>	<i>36.11%</i>
<i>- VNA mua thêm số CP không có NĐTCK tham gia</i>	<i>1,597,250</i>	<i>1,597,250</i>	<i>15,972,500,000</i>	<i>23.60%</i>
Cộng số CP của VNA	2,500,000	4,041,265	40,412,650,000	59.71%
b.2 - Cổ đông nước ngoài	-	671,988	6,719,880,000	9.93%
Cá nhân		440,430	4,404,300,000	6.51%

Tổ chức		231,558	2,315,580,000	3.42%
Cộng		6,767,683	67,676,830,000	100.00%

3.3- Trường hợp 3: VNA mua theo tỷ lệ sở hữu hiện có: 36,11%, các cổ đông là NĐTCKCN cá nhân trong nước không mua, số lượng CP phát hành chỉ đạt: 36,11% (bằng đúng tỷ lệ VNA mua):

Cổ đông	Số lượng phiếu tăng thêm từ đợt phát hành	Số lượng CP sở hữu sau phát hành	Giá trị cổ phiếu sở hữu theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
b.1- Cổ đông trong nước	902,750	4,498,445	44,984,450,000	87.00%
Cá nhân	-	967,649	9,676,490,000	18.72%
Tổ chức	902,750	3,530,796	35,307,960,000	68.29%
Trong đó VNA	902,750	2,444,015	24,440,150,000	47.27%
b.2 - Cổ đông nước ngoài	-	671,988	6,719,880,000	13.00%
Cá nhân		440,430	4,404,300,000	8.52%
Tổ chức		231,558	2,315,580,000	4.48%
Cộng		5,170,433	51,704,330,000	100.00%

• Cơ cấu cổ đông sau khi phát hành nói trên chỉ là các trường hợp giả định, Công ty sẽ luôn tôn trọng nguyên tắc phân bổ số CP phát hành cho các cổ đông là Cổ đông chiến lược (VNA) và các NĐTCKCN với tỷ lệ VNA sẽ được mua tối thiểu 36,11%-tương đương: 902.750 CP trong tổng số 2.500.000 CP phát hành thêm đợt này để đảm bảo tỷ lệ sở hữu của VNA luôn giữ ở tỷ lệ: 36,11%, không bị giảm đi sau khi Công ty phát hành tăng vốn.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN RIÊNG LẺ CỔ PHIẾU ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ.

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty, xóa bỏ tình trạng VLĐ âm, cụ thể việc sử dụng vốn sau khi phát hành để: thanh toán chi phí nguyên vật liệu, nhà cung cấp hàng hóa, trả lương trong Quý và trả nợ vay cho các ngân hàng.

Chi tiết phương án và lộ trình sử dụng vốn chi tiết dự kiến như sau:

TT	Mục đích chi tiết sử dụng vốn dự kiến	Giá trị sử dụng vốn dự kiến (đồng)	Thời gian sử dụng dự kiến (Sau khi được UBCKNN chấp thuận báo cáo KQ phát hành)	Ghi chú
1	Thanh toán chi phí nguyên vật liệu, nhà cung cấp hàng hóa (theo danh sách đính kèm)	7.424.298.391	Quý II/2023	Công ty sử dụng hạn mức vay VLĐ để thanh toán cho các NCC khi Công ty không đủ tiền thanh toán

2	Thanh toán lương trong Quý II/2023 (Theo dự toán bảng lương các Quý trong năm 2022)	9.000.000.000	Quý III/2023	Hiện nay việc thanh toán lương cho NLĐ hàng tháng sử dụng nguồn vốn vay Ngân hàng
3	Thanh toán nợ vay phải trả cho Vietcombank theo Hợp đồng số.... ngày....	950.000.000	Quý II/2023	
4	Thanh toán nợ vay cho Viettinbank theo Hợp đồng số.... ngày.....	7.625.701.609	Quý II/2023	
Tổng		25.000.000.000		

Công ty không sử dụng nguồn phát hành bổ sung VLD để đầu tư các TS dài hạn, khi các chỉ số tài chính của Công ty được cải thiện, Công ty có thể tiếp cận các tổ chức tín dụng để vay vốn cho các khoản mục đầu tư trong năm 2023, trong đó nguồn vốn đối ứng 30% sẽ sử dụng nguồn khấu hao của năm 2023 (sau khi trả gốc vay).

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế, trong trường hợp cần thiết, HĐQT có thể điều chỉnh mục đích sử dụng vốn đảm bảo hiệu quả nhất. Theo đó, tên nhà cung cấp, khách hàng, hợp đồng có thể bổ sung/ thay đổi nhưng vẫn đảm bảo số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ chỉ sử dụng cho việc bổ sung vốn lưu động, thanh toán chi phí nguyên vật liệu, trả nợ vay cho nhà cung cấp, thanh toán lương và trả nợ vay cho ngân hàng.

IX. CÁC NỘI DUNG ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT thực hiện các nội dung sau:

1. Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép chào bán riêng lẻ cho UBCKNN; Thực hiện tất cả các công việc liên quan đến việc phát hành riêng lẻ theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Rà soát và chỉnh sửa, bổ sung, điều chỉnh các nội dung của Phương án phát hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Lựa chọn thời gian cụ thể, thích hợp thực hiện việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ đảm bảo tối ưu hóa lợi ích của cổ đông và Công ty cũng như khả năng thành công của đợt chào bán sau khi có chấp thuận của UBCKNN;
4. Điều chỉnh Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ (trong trường hợp cần thiết, phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty) và thực hiện các thủ tục liên quan đến Công bố thông tin theo đúng quy định;
5. Triển khai phương án chào bán chi tiết, phù hợp với nhu cầu của Công ty;
6. Triển khai các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký bổ sung tại VSD và đăng ký niêm yết bổ sung trên HNX theo quy định của pháp luật sau khi kết thúc việc chào bán;
7. Thực hiện các thủ tục thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và sửa đổi Điều lệ

công ty phù hợp với vốn điều lệ mới sau khi hoàn tất việc chào bán;

8. Các công việc khác có liên quan để hoàn tất việc chào bán riêng lẻ cổ phiếu, phù hợp với phương án chào bán đã được ĐHĐCĐ thông qua;

Trên đây là nội dung Phương án chào bán riêng lẻ cổ phần tăng vốn điều lệ năm 2023 của Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội xem xét, cho ý kiến để Công ty có định hướng triển khai thực hiện.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

Nơi nhận:

- Như K. gửi;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐÀO MẠNH KIÊN